

Bản án số: 345/2022/DS-PT
Ngày: 28/12/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Phan Thanh Tông

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 309/2022/QĐPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Hồng N, sinh năm 1946;

Cư trú tại: Số nhà 373/1, ấp A, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1976, cư trú tại: Khu phố 5, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn P1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1974;

Cư trú tại: Số nhà 41/2, ấp G B, xã G1, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là: Ông Nguyễn Vũ B, sinh năm 1977, cư trú tại: Ấp B3, xã B4, huyện B5, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Vũ B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Hồng N cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết nên bà Trần Hồng N có cho bà Nguyễn Thị S vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần 01 vào ngày 20/10/2018 (al) bà S có hỏi vay tiền của bà N số tiền vay là 250.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng và bà S có ký tên vào biên nhận nợ, nội dung biên nhận nợ là do bà N viết xong có đọc lại cho bà S nghe bà S đồng ý nên ký tên xác nhận vào biên nhận nợ mà bà N viết, lãi xuất vay hai bên thỏa thuận là 01%/tháng, hai bên thỏa thuận bắt đầu từ ngày 12/11/2018 bà S có nghĩa vụ trả cho bà N mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi nào hết số tiền 250.000.000 đồng. Tuy nhiên từ ngày nhận tiền đến nay bà S không trả lãi và cũng không trả tiền gốc theo thỏa thuận.

Lần 2: Ngày 09/7/2019 bà S có tiếp tục vay tiền của bà N số tiền vay là 400.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng, thời hạn trả là ngày 22/7/2019 và bà S có ký tên vào biên nhận nợ cũng như lần vay trước nội dung biên nhận nợ là do bà N viết xong có đọc lại cho bà S nghe bà S đồng ý nên ký tên xác nhận vào biên nhận nợ do bà N viết, sở dĩ bà N tiếp tục cho bà S vay tiếp là vì bà S có cam kết khi vay khoản tiền này xong là để trả nợ Ngân hàng xong sẽ vay lại trả tất cho bà N khoản vay trước 250.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó bà S không thực hiện theo cam kết và cũng không trả lãi và trả tiền gốc cho bà N theo thỏa thuận.

Như vậy, sau 02 lần vay tổng cộng bà S nợ bà N số tiền là 650.000.000 đồng. Bà N nhiều lần yêu cầu bà S trả nợ nhưng bà S trốn tránh không trả đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.

Nay bà Trần Hồng N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho bà số tiền tiền gốc 650.000.000 đồng và tiền

lãi trong đó đối với số tiền gốc 250.000.000 đồng tính từ ngày 12/11/2018 với lãi xuất 0.83%/tháng và số tiền gốc 400.000.000 đồng tính từ ngày 22/7/2019 với lãi xuất 0.83%/tháng cho đến ngày 22/7/2022.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị S cùng với người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Khoảng tháng 9/ 2018, bà S có mượn bà N số tiền 150.000.000 đồng để sử dụng cá nhân sau đó bà S đã trả đủ số tiền mượn cho bà N. Cùng thời điểm mượn tiền thì bà N có kêu bà S viết nhận nợ nhưng bà S nói không viết rành chữ nên chỉ ghi tên và họ tên được thôi thì lúc này bà N kêu bà S ký tên, ghi họ tên vào ba tờ giấy tập trắng không có chữ thì bà S có hỏi bà N sao cho ký vào giấy trắng thì bà N nói là để về nhà bà N ghi lại và thông qua một người làm chứng nữa mới được tại vì bà S không biết đọc phải có làm chứng đọc lại cho bà S nghe. Khi bà N yêu cầu bà S ký tên vào giấy trắng chỉ có bà N và bà S không có ai làm chứng. Nay bà N khởi kiện yêu cầu S trả 650.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thì bà S không đồng ý do biên nhận không được rõ ràng là do bà N tự ý ghi nội dung vào các biên nhận có chữ ký bà S kỹ sẵn không theo thỏa thuận là phải có người thứ ba làm chứng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Hồng N. Buộc bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả cho bà Trần Hồng N số tiền vốn 650.000.000 đồng và tiền lãi 211.511.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu tiền lãi chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt của đương sự thì nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Trần Hồng N trình bày có cho bà Nguyễn Thị S vay tiền hai lần vào ngày 20/10/2018 (al) với số tiền 250.000.000 đồng và ngày 09/7/2019 với số tiền 400.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên có làm biên nhận và bà S có ký tên và viết họ tên. Bị đơn trình bày chỉ có vay của bà N số tiền 150.000.000 đồng và đã trả xong. Thừa nhận chữ ký chữ viết trong hai biên nhận bà N cung cấp là chữ ký, chữ viết của bị đơn nhưng cho rằng khi đó bà N yêu cầu bà S ký tên và viết họ tên vào giấy trắng để về viết lại biên nhận và cho người làm chứng xác nhận. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày là có căn cứ, trong khi phía nguyên đơn không thừa nhận có sự việc như bị đơn trình bày.

[2] Xét thấy, việc hai bên xác lập hợp đồng vay tài sản là tự nguyện, không chứng minh được việc bị lừa dối, ép buộc trong khi bị đơn là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên phải chịu trách nhiệm về hành vi do mình thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà S phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vay 650.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Do bà S vay tiền của bà N nên phải có nghĩa vụ trả tiền lãi, bà N yêu cầu tính lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp quy định pháp luật.

Số tiền vay 250.000.000 đồng từ ngày 28/9/2018 (al) nhằm ngày 12/11/2018 đến ngày 22/7/2022 là 44 tháng 10 ngày: Số tiền gốc 250.000.000 đồng x 0,83% x 44 tháng 10 ngày = 91.991.000 đồng.

Số tiền vay 400.000.000 đồng từ ngày 20/6/2019 (âm lịch) nhằm ngày 22/7/2019 đến ngày 22/7/2022 là 36 tháng: Số tiền gốc 400.000.000 đồng x 0,83% x 36 tháng = 119.520.000 đồng. Như vậy, bà S có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền lãi tổng cộng là 211.511.000 đồng.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 37.846.000 đồng.
- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007407 ngày 30/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 463, 465, 466, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Hồng N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị S.

Buộc bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho bà Trần Hồng N số tiền vay 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 211.511.000 đồng (hai trăm mười một triệu năm trăm mười một đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 37.846.000 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số 0007407 ngày 30/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương